

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ái Nguyên**.
2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**.

Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 239/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, về việc: **“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”** theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn B.Th – sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp a, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh H Chí Tr - sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn B.Th trình bày và yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh Tr sống chung vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân U vào ngày 22 tháng 3 năm 2012. Quá trình chung sống, vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nên vợ chồng chị đã ly thân 05 năm nay. Nay chị Th không còn tình cảm với anh Tr, nên chị Th yêu cầu được ly hôn anh Tr.

- Về con: Chị Th và anh Tr có hai người con chung tên H Nh.H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 và H Ch.H - sinh ngày 17 tháng 01 năm 2012, hiện tại cháu H và cháu Ch.H đang sống chung với anh Tr. Khi ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, nếu con có nguyện vọng theo chị Th thì chị Th nuôi, chị Th không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con, còn theo anh Tr thì anh Tr nuôi, chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định chị Th và anh Tr không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh H Chí Tr trình bày: Anh Tr thống nhất toàn bộ trình bày của chị Th về hôn nhân, về con chung, về tài sản và nợ. Anh Tr đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu của chị Th.

*** *Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** *Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích Thúy được ly hôn anh Trần Chí Tr.

+ Về con: H Nh.H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 và H Ch.H - sinh ngày 17 tháng 01 năm 2012 cho anh Tr nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không đặt ra xem xét giải quyết.

*** *Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Th và anh Tr tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Th yêu cầu ly hôn anh Tr và anh Tr đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Chị Th và anh Tr có hai con chung là H Nh.H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 và H Ch.H - sinh ngày 17 tháng 01 năm 2012, hai cháu đang sống chung với anh Tr và đều có nguyện vọng được sống chung anh Tr.

- Chị Th và anh Tr không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn B.Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H Chí Tr, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Th và anh Tr có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh Tr: Chị Th và anh Tr tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh Tr và anh Tr cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Th và anh Tr.

[4] Xét về con chung:

[4.1] Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Th và anh Tr có hai người con chung chưa thành niên là H Nh.H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 và H Ch.H - sinh ngày 17 tháng 01 năm 2012, hiện tại cháu H và cháu Ch.H đang sống cùng anh Tr. Chị Th và anh Tr thống nhất khi ly hôn con theo ai người đó nuôi, cháu H và cháu Ch.H cũng có nguyện vọng được sống chung anh Tr. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình giao hai con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh Tr không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Tr xác định anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh Tr không phải chịu án phí.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn B.Th, chị Nguyễn B.Th được ly hôn anh H Chí Tr.

2. Về con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung chưa thành niên của chị Th và anh Tr là cháu H Nh.H - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 và H Ch.H - sinh ngày 17 tháng 01 năm 2012 cho anh Tr trực tiếp nuôi. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh Tr không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Tr không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn B.Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004316 ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chuyển thu án phí đối với chị Th số tiền 300.000đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang